

1. Những điểm quan trọng về chế độ bảo hiểm lương hưu toàn dân của Nhật Bản và chế độ bảo hiểm công khác

- (1) Tất cả những người đã đăng ký cư trú tại Nhật Bản và trong độ tuổi từ trên 20 tuổi đến 59 tuổi, bất kể quốc tịch của họ, phải có nghĩa vụ tham gia chế độ bảo hiểm lương hưu toàn dân và phải nộp tiền bảo hiểm.
- (2) Chế độ bảo hiểm công (bao gồm chế độ bảo hiểm lương hưu toàn dân) được tạo thành theo cơ chế nuôi dưỡng các thế hệ mà toàn thể xã hội hỗ trợ lẫn nhau.
- (3) Chế độ bảo hiểm công không chỉ chi trả lương hưu tuổi già, mà còn có cả bảo hiểm cho thương tật, bảo hiểm tử tuất trong trường hợp không may gặp khó khăn về tài chính.
- (4) Chính phủ Nhật Bản sẽ cấp một khoản trợ cấp để hỗ trợ một phần tiền trợ cấp lương hưu.
- (5) Toàn bộ tiền bảo hiểm nộp trong bảo hiểm công sẽ là đối tượng được khấu trừ thuế như là “phần nộp bảo hiểm xã hội”.

2. Loại bảo hiểm lương hưu toàn dân và thủ tục tham gia

Có 3 loại người hưởng bảo hiểm theo chế độ bảo hiểm lương hưu toàn dân. Bạn có thể tìm thấy loại bảo hiểm của mình và thủ tục tham gia như sau.

(1) Người hưởng bảo hiểm số 1

Nếu bạn đã đăng ký cư trú tại Nhật Bản, trong độ tuổi từ trên 20 tuổi đến 59 tuổi, và bạn không thuộc đối tượng người hưởng bảo hiểm số 2 và người hưởng bảo hiểm số 3 (tham khảo số (2) và (3) dưới đây), thì bạn sẽ thuộc người hưởng bảo hiểm số 1.

→ Nếu bạn không phải là công dân Nhật Bản và thuộc người hưởng bảo hiểm số 1, hãy chắc chắn rằng trước hết bạn đăng ký cư trú tại cơ quan chính quyền thành phố, phường, xã nơi sinh sống và họ đã tiến hành đăng ký cư trú tại Nhật Bản cho bạn. Sau đó bạn cần làm thủ tục tham gia tại nơi tiếp nhận bảo hiểm lương hưu toàn dân của cơ quan chính quyền thành phố, phường, xã nơi sinh sống đó.

→ Tổ chức bảo hiểm lương hưu Nhật Bản (JPS) sẽ gửi cho bạn thông báo thanh toán tiền bảo hiểm. Hãy dùng thông báo này để nộp tiền bảo hiểm của bạn (tham khảo “4. Tiền bảo hiểm hàng tháng” dưới đây).

Lưu ý: Không bao gồm công dân nước ngoài có thị thực ở lại để điều trị y tế hoặc thị thực cho thời gian ở lại dài để tham quan.

(2) Người hưởng bảo hiểm số 2

Nếu bạn được thuê làm việc tại công ty, nhà máy và những nơi làm việc tương tự, v.v... và được tham gia bảo hiểm bằng chế độ bảo hiểm lương hưu nhân viên bao gồm Chế độ bảo hiểm lương hưu của nhân viên, thì bạn sẽ thuộc Người hưởng bảo hiểm số 2.

→ Chủ doanh nghiệp sẽ chịu trách nhiệm hoàn tất việc tham gia chế độ lương hưu thay cho bạn. Hãy hỏi nơi làm việc để biết thêm chi tiết.

→ Tiền bảo hiểm sẽ được khấu trừ vào lương, chủ doanh nghiệp sẽ tiến hành nộp.

(3) Người hưởng bảo hiểm số 3

Nếu bạn là vợ/chồng phụ thuộc vào người hưởng bảo hiểm Loại II, có độ tuổi từ trên 20 tuổi đến 59 tuổi và cư trú tại Nhật Bản, thì bạn sẽ thuộc người hưởng bảo hiểm Loại III.

→ Người hôn phối (người hưởng bảo hiểm số 2) của bạn sẽ báo cáo với văn phòng chi nhánh JPS thông qua chủ doanh nghiệp nơi làm việc để bạn được hưởng quyền lợi người phụ thuộc. Vui lòng hỏi nơi làm việc của người hôn phối để biết thêm chi tiết.

→ Bạn không cần phải nộp tiền bảo hiểm, vì toàn bộ sẽ được đóng bằng khoản tiền bảo hiểm do người hưởng bảo hiểm số 2 nộp.

→ Nếu bạn tạm thời đi/ở lại bên ngoài Nhật Bản, bạn có thể là người hưởng bảo hiểm Loại III.

3. Sổ tay bảo hiểm lương hưu

Khi hoàn thành xong thủ tục tham gia bảo hiểm lương hưu toàn dân, bạn sẽ được cấp sổ tay bảo hiểm lương hưu. Bạn sẽ sử dụng cả đời nên hãy bảo quản cẩn thận. Sổ tay bảo hiểm lương hưu rất quan trọng khi xác định nhân thân để nhận bảo hiểm lương hưu, và để tư vấn quyền lợi.

Ngoài ra, trường hợp sổ bị mất hoặc hư hỏng, người hưởng bảo hiểm số 1 sẽ tiến hành thủ tục xin cấp lại tại văn phòng bảo hiểm lương hưu hoặc cơ quan chính quyền thành phố, phường, xã nơi sinh sống. Người hưởng bảo hiểm số 2 sẽ tiến hành thông qua văn phòng chi nhánh JPS hay có thể nhờ chủ doanh nghiệp làm thủ tục. Người hưởng bảo hiểm số 3 sẽ làm thủ tục thông qua chủ doanh nghiệp của người hôn phối.

4. Tiền bảo hiểm hàng tháng

Số tiền phí phải đóng cho Trợ cấp quốc gia là 16.540 yên mỗi tháng, bắt đầu từ tháng 4 năm 2020 đến tháng 3 năm 2021. Bạn phải nộp tiền bảo hiểm hàng tháng vào cuối tháng tiếp theo.

Bạn có thể nộp tiền bảo hiểm bằng tiền mặt tại ngân hàng và các cơ quan tài chính khác, bưu điện, cửa hàng tiện lợi, v.v... Bạn cũng có thể nộp qua chuyển khoản ngân hàng tự động và qua internet.

Hoặc, bạn cũng có thể nộp theo chế độ giảm tiền bảo hiểm nếu bạn trả trước tiền bảo hiểm cho một số tháng nộp trong tương lai. Hơn nữa, nếu trả trước qua chuyển khoản ngân hàng tự động thì sẽ được giảm nhiều hơn là trả trước bằng tiền mặt.

5. Khi có khó khăn trong việc nộp tiền bảo hiểm (Chế độ miễn trừ tiền bảo hiểm)

Trường hợp thu nhập của bạn quá thấp để nộp tiền bảo hiểm hoặc bạn có những lý do khác, bạn có thể xin miễn trừ tiền bảo hiểm tại cơ quan chính quyền thành phố, phường, xã.

Văn phòng chi nhánh JPS sẽ thẩm tra thu nhập của năm trước và các hoàn cảnh khác. Nếu đơn của bạn được chấp thuận, bạn sẽ được miễn trừ toàn bộ hoặc một phần tiền bảo hiểm.

Vui lòng tham khảo bảng ở đây để biết một số loại miễn trừ, số tiền bảo hiểm cần phải nộp, và tỷ lệ số tiền lương hưu cơ bản tuổi già trong tương lai với khoảng thời gian miễn trừ, so với số tiền không có khoảng thời gian miễn trừ.

Loại chế độ miễn trừ	Số tiền bảo hiểm	Tiền bảo hiểm lương hưu cơ bản tuổi già
Miễn trừ toàn bộ	0 Yên	4/8
Nộp 1/4 (miễn trừ 3/4)	4.140 Yên	5/8
Nộp một nửa (miễn trừ một nửa)	8.270 Yên	6/8
Nộp 3/4 (miễn trừ 1/4)	12.410 Yên	7/8
Hoãn nộp cho người có thu nhập thấp	0 Yên	0
Chế độ nộp bảo hiểm đặc biệt dành cho học sinh	0 Yên	0

(Lưu ý)

(1) Vui lòng lưu ý rằng nếu bạn không nộp đối với loại nộp 1/4, nộp một nửa, và nộp 3/4, thì chế độ miễn trừ một phần sẽ không còn hiệu lực và sẽ giống như là chưa nộp. Điều này có nghĩa là khoảng thời gian không nộp tiền bảo hiểm đó sẽ không được bao gồm vào phần tính toán số tiền bảo hiểm lương hưu cơ bản tuổi già trong lương lai. Thêm vào đó, bạn có thể sẽ không được nhận bảo hiểm cơ bản cho thương tật và bảo hiểm cơ bản về tử tuất khi bạn cần đến.

(2) Nếu là học sinh, bạn có thể nộp đơn xin áp dụng chế độ nộp bảo hiểm đặc biệt dành cho học sinh. Tuy nhiên, xin lưu ý rằng chế độ này không bao gồm sinh viên ở hầu hết các trường chi nhánh Nhật Bản như cơ quan đào tạo nước ngoài, hoặc sinh viên học ngắn hạn.

6. Bù lại tiền bảo hiểm trước đây-khoảng thời gian miễn trừ

Nếu bạn có khoảng thời gian được miễn trừ toàn bộ tiền hoặc một phần trước đây, bạn có thể bù lại khoảng thời gian đó bằng cách nộp tiền bảo hiểm đã được miễn trừ có hiệu lực trở về trước với thời gian tối đa là 10 năm. Nếu bạn bù lại khoảng thời gian đó bằng cách nộp tiền bảo hiểm có hiệu lực trở về trước, tiền bảo hiểm lương hưu cơ bản tuổi già trong tương lai của bạn sẽ được tính dựa trên toàn bộ tiền bảo hiểm đã nộp.

Xin lưu ý rằng một khoản tiền nhất định sẽ được tính cộng vào tiền bảo hiểm mà có hiệu lực trở về trước do đã đến hạn tính từ năm thứ 3 trở đi.

7. Số tiền trợ cấp lương hưu toàn dân

(1) Bảo hiểm lương hưu cơ bản tuổi già

Nếu bạn đã nộp tiền bảo hiểm lương hưu toàn dân trên 10 năm và thỏa các điều kiện, thì số tiền sau đây sẽ được chi trả khi bạn đến 65 tuổi. *1

★Số tiền trợ cấp = 781.700 Yên (Số tiền hàng năm trong năm tài chính 2020 trong trường hợp nộp tiền bảo hiểm trong vòng 40 năm).

(2) Bảo hiểm cơ bản cho thương tật

Số tiền trợ cấp cơ bản cho người thương tật sau đây sẽ được chi trả cho bạn nếu bạn bị bệnh hoặc bị thương trong khi bạn tham gia chế độ lương hưu toàn dân và nếu bệnh tật hoặc chấn thương đó gây ra tình trạng thương tật tương ứng với mức thương tật cấp 1 hoặc cấp 2. *2

★Số tiền trợ cấp= 977.125 Yên (Số tiền hàng năm trong năm tài chính 2020 của cấp độ 1)
781.700 Yên (Số tiền hàng năm trong năm tài chính 2020 của cấp độ 2)

(3) Bảo hiểm cơ bản về tử tuất

Nếu người đang tham gia bảo hiểm lương hưu toàn dân qua đời, số tiền bảo hiểm cơ bản về tử tuất sau đây sẽ được chi trả cho gia đình của người đã mất (Vợ/chồng có con với người đã mất hoặc con) để người đó duy trì cuộc sống. *2

★Số tiền trợ cấp = 1.006.600 Yên (Số tiền hàng năm trong năm tài chính 2020 được trả cho vợ/ chồng có 1 người con với người đã mất)

*1 Nếu bạn trở thành công dân Nhật Bản được nhập tịch hoặc nếu bạn được nhận làm thường trú nhân trước khi bạn 65 tuổi, thời gian cư trú ở nước ngoài của bạn là từ ngày 1 tháng 4 năm 1961 cho đến ngày trước khi bạn trở thành công dân Nhật Bản, trong độ tuổi từ trên 20 tuổi đến 59 tuổi thì sẽ được xem là "khoảng thời gian bổ sung".

Khoảng thời gian bổ sung này là khoảng thời gian có hiệu lực để tính xem liệu bạn có thỏa điều kiện thời gian 10 năm để hưởng bảo hiểm lương hưu cơ bản tuổi già không. Tuy nhiên, khoảng thời gian này sẽ không được xem xét tính trong số tiền trợ cấp.

*2 Để đủ điều kiện hưởng bảo hiểm cơ bản cho thương tật và bảo hiểm cơ bản về tử tuất thì có điều kiện là phải đóng một khoản phí bảo hiểm nhất định, và nếu không đáp ứng được điều kiện này thì sẽ không nhận được trợ cấp. Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ văn phòng chi nhánh JPS hoặc cơ quan chính quyền thành phố, phường, xã nơi sinh sống. (Tham khảo "10. Địa chỉ liên hệ, tư vấn liên quan đến bảo hiểm lương hưu toàn dân").

8. Thanh toán bảo hiểm 1 lần cho người không phải là người Nhật

Nếu bạn không phải là người Nhật, bạn có thể nộp đơn yêu cầu thanh toán bảo hiểm một lần trong vòng 2 năm kể từ ngày bạn đăng ký rời khỏi Nhật Bản (không còn cư trú ở Nhật Bản nữa). Để nộp đơn yêu cầu bạn phải thỏa các điều kiện sau;

- bạn đã nộp theo chế độ lương hưu toàn dân trong tổng thời gian tối thiểu là sáu tháng (không bao gồm thời gian bảo hiểm của bạn là người hưởng bảo hiểm số 2 hoặc người hưởng bảo hiểm số 3),

- bạn không thỏa khoảng thời gian điều kiện được hưởng lương hưu cơ bản tuổi già

Số tiền thanh toán một lần tùy thuộc vào số tháng nộp tiền bảo hiểm. Bảng

ở đây sẽ trình bày ví dụ về số tiền thanh toán trong trường hợp số tiền nộp cuối cùng của bạn được thực hiện trong năm tài chính 2020.

※Nếu bạn có khoảng thời gian miễn trừ tiền bảo hiểm, tổng số tháng đã nộp tiền bảo hiểm được tính như sau.

Số tháng nộp toàn bộ tiền bảo hiểm + (số tháng nộp 1/4) × 1/4 + (số tháng đóng một nửa) × 1/2 + (Số tháng đóng 3/4) × 3/4

Tổng thời gian đã nộp tiền bảo hiểm※	Khoản tiền thanh toán 1 lần
Từ trên 6 tháng đến 11 tháng	49.620 yên
Từ trên 12 tháng đến 17 tháng	99.240 Yên
Từ trên 18 tháng đến 23 tháng	148.860 Yên
Từ trên 24 tháng đến 29 tháng	198.480 Yên
Từ trên 30 tháng đến 35 tháng	248.100 Yên
Từ 36 tháng trở lên	297.720 Yên

(Thủ tục yêu cầu thanh toán)

(1) Khi bạn đăng ký với cơ quan chính quyền thành phố, phường, xã nơi sinh sống về việc bạn sẽ không cư trú ở Nhật Bản nữa, vui lòng cũng đăng ký thanh toán một lần bảo hiểm lương hưu toàn dân cùng một lúc. Mẫu giấy tờ yêu cầu xem xét thanh toán có tại cơ quan tiếp nhận phụ trách bảo hiểm lương hưu toàn dân của cơ quan chính quyền thành phố, phường, xã, tại văn phòng chi nhánh JPS trên toàn quốc hoặc trang chủ của Tổ chức bảo hiểm lương hưu Nhật Bản. (<https://www.nenkin.go.jp/international/index.html>)

(2) Khi nộp yêu cầu xem xét thanh toán, hãy kiểm tra các mục lưu ý ghi trên yêu cầu thanh toán, điền vào các mục cần thiết rồi gửi bằng đường hàng không cho Tổ chức bảo hiểm lương hưu Nhật Bản theo địa chỉ 3-5-24 Takaido-nishi Suginami-ku, Tokyo (Mã bưu điện: 168-8505).

Xin lưu ý rằng thời gian bảo hiểm mà bạn sử dụng để nhận thanh toán sẽ không còn hiệu lực để được hưởng các quyền lợi hưu trí hoặc góp chung phúc lợi khác theo hiệp định an sinh xã hội song phương có liên quan.

9. Hiệp định an sinh xã hội

Có những quốc gia đã ký hiệp định song phương với Nhật Bản để phòng chống việc tham gia hai lần chế độ bảo hiểm lương hưu và để có thể nhận được bảo hiểm lương hưu cho cả thời gian tham gia chế độ bảo hiểm lương hưu ở nước hưu tại nước ngoài. Chi tiết xin vui lòng truy cập vào trang chủ của Tổ chức bảo hiểm lương hưu Nhật Bản.

(<https://www.nenkin.go.jp/international/index.html>)

10. Địa chỉ liên hệ, tư vấn liên quan đến bảo hiểm lương hưu toàn dân

Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào về bảo hiểm lương hưu toàn dân, xin vui lòng liên hệ với cơ quan chính quyền thành phố, phường, xã nơi sinh sống hoặc văn phòng chi nhánh JPS.

Bạn có thể xem danh sách văn phòng chi nhánh JPS trên trang web. (<https://www.nenkin.go.jp/international/index.html>)

Trong trường hợp liên hệ qua điện thoại, vui lòng gọi đến "Số của bảo hiểm lương hưu" dưới đây.

Ngoài ra, khi liên hệ hãy chuẩn bị tài liệu như số bảo hiểm lương hưu (có ghi mã số bảo hiểm lương hưu).

"Số bảo hiểm lương hưu (gọi từ trong nước)" 0570-05-1165 (theo cước phí cuộc gọi nội địa).

"Số bảo hiểm lương hưu (gọi từ nước ngoài)" + 81-3-6700-1165 (theo cước phí cuộc gọi quốc tế).